

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 28/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hoàng Toàn và ông Nguyễn Thanh Tiền**

Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: **Ông Trần Đăng Khoa**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, tên gọi khác: không có; sinh ngày 02/9/2001 tại huyện ĐH tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp VĐ, xã LĐĐ, huyện ĐH tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; con ông: Nguyễn Thành Th, sinh năm 1977 và bà Lê Hồng Ch, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; em ruột: 01 người sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: vào ngày 16/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH tuyên phạt 04 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, do phạm tội dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích; vào ngày 07/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng; bị cáo ra đầu thú sau đó bị tạm giữ từ ngày 30/11/2019 đến ngày 06/12/2019 khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay.

***Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Ch,** sinh năm 1987 và **chị Mã Thị H,** sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp VĐ, xã LĐĐ, huyện ĐH tỉnh Bạc Liêu

(Bị cáo L, anh Ch và chị H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 20 phút, ngày 29/11/2019 bị cáo Nguyễn Văn L nhìn thấy anh Nguyễn Văn Ch và chị Mã Thị H đi ra ruộng muối cách nhà khoảng 300m để bơm nước nên bị cáo L nảy sinh ý định lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo L lén lút vào nhà của anh Ch lấy 01 cái vali đem ra ngoài rồi đi xuống nước lội theo con kênh cách nhà anh Ch khoảng 120m, sau đó đem lên đám đước cặp bờ kênh lục tìm bên trong vali lấy được các tài sản gồm: 01 chiếc lắc tay bằng vàng 24k trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18k có gắn đá màu tím, trọng lượng 1,7 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k có gắn đá màu xanh trọng lượng 03 phân; 01 chiếc nhẫn mặt tợ bằng vàng 18k trọng lượng 03 phân; 01 chiếc nhẫn cưới trơn bằng vàng 18k trọng lượng 02 phân và 01 tờ tiền Việt Nam đang lưu hành có mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi lấy được số tài sản trên bị cáo L bỏ lại cái vali cùng 06 áo thun nữ ngắn tay; 06 quần dài nữ loại quần thun, jean các loại; 01 cái ví da nữ, hình dạng chữ nhật, màu trắng và 01 cây kéo có cán bằng nhựa màu vàng, phần lưỡi bằng kim loại màu ánh bạc. Bị cáo đem toàn bộ số vàng đã trộm được đi cất giấu chỗ khu mộ gần nhà. Đến sáng ngày 30/11/2019 bị cáo đến nhà Phan Văn T, kêu T tìm người đi bán số vàng đã trộm và được T dẫn đến tiệm sửa xe của người tên Nguyễn Trọng N để nhờ vợ của N (chưa rõ họ tên) đem đi bán được số tiền 8.500.000 đồng. Sau khi bán được số vàng, bị cáo L cho T số tiền 1.300.000 đồng và cho vợ của N số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân và mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus. Khi phát hiện tài sản bị mất trộm, anh Ch đã trình báo Công an xã LĐĐ đến lập biên bản sự việc. Đến 14 giờ 30 phút, ngày 30/11/2019 bị cáo L đến Công an xã LĐĐ để đầu thú về hành vi phạm tội đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH đã thu giữ của bị cáo L số tiền Việt Nam đang lưu hành là 2.400.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6 Plus. Trong quá trình điều tra bị cáo L đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giá trị tài sản số: 111/HĐ ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐHKết luận: 01 chiếc lắc tay bằng vàng 24k trọng lượng 05 chỉ có giá 20.900.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18k có cần đá màu tím, trọng lượng 1,7 chỉ có giá trị 5.329.500 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 18k có cần đá màu xanh trọng lượng 03 phân có giá trị 945.000 đồng; 01 chiếc nhẫn mặt tợ bằng vàng 18k trọng lượng 03 phân có giá trị 945.000 đồng; 01 chiếc nhẫn cưới trơn bằng vàng 18k trọng lượng 02 phân có giá trị 627.000 đồng. Tính đến ngày 29/11/2019 các tài sản nêu trên có tổng giá trị thành tiền là 28.746.500 đồng. Đối với các tài sản còn lại như 01 chiếc vali bằng vải màu đen, hình hộp chữ nhật; 06 áo thun nữ ngắn tay; 06 quần dài nữ loại quần thun, jean các loại; 01 cái ví da nữ, hình dạng chữ nhật, màu trắng và 01 cây kéo có cán bằng nhựa màu vàng, phần lưỡi bằng kim loại màu ánh bạc, các tài sản này chưa đủ cơ sở để khảo sát giá và định giá.

Tại cáo trạng số: 09/CT – VKS – KSĐT ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH truy tố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm không thay đổi so với bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, kiểm sát viên trình bày thêm do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tình tiết tăng nặng: không có. Kiểm sát viên phát biểu đề xuất đường lối giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Văn Ch và chị Mã Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi tH thêm số tiền 2.000.000 đồng do quần áo bị nước làm ngập hư hỏng, tổng cộng số tiền anh Ch và chị H yêu cầu bị cáo L có nghĩa vụ bồi tH thiệt hại về tài sản đã bị chiếm đoạt tổng cộng số tiền là 31.246.500 đồng, trong quá trình bắt giữ bị cáo cơ quan Công an đã thu hồi giao trả lại cho anh Ch và chị H số tiền 5.900.000 đồng, nay anh Ch và chị H yêu cầu

bị cáo L bồi tH cho anh chị số tiền còn lại là 25.346.500 đồng, ngoài ra anh Ch và chị H không có yêu cầu nào khác. Bị cáo L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Ch và chị H, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

-Về vật chứng vụ án: Đối với số tiền và vàng mà bị cáo L đã lấy trộm của ông Ch và bà H hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH không thu hồi được, còn các vật dụng và nhiều giấy tờ tùy thân có liên quan trong quá trình khám nghiệm hiện trường đã giao lại cho bị hại quản lý sử dụng nên không đặt ra để xử lý.

Đối với Phan Văn T và vợ chồng Nguyễn Trọng N có hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” do trong quá trình điều tra xác minh không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được với Tài và vợ chồng N nên chưa có cơ sở để xử lý, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

-Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bị cáo L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp đối với các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cùng những chứng cứ tài liệu khác được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, hành vi của bị cáo được thể hiện: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 29/11/2019 bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản của ông Nguyễn Văn Ch và bà Mã Thị H gồm có: 01 chiếc lắc tay bằng vàng 24k trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18k có cần đá màu tím, trọng lượng 1,7 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18k có cần đá màu xanh trọng lượng 03 phân; 01 chiếc nhẫn mặt tợ bằng vàng 18k trọng lượng 03 phân; 01 chiếc nhẫn cưới trơn bằng vàng 18k trọng lượng 02 phân và 01 tờ tiền Việt Nam đang lưu hành có mệnh giá 500.000 đồng. Các tài sản có tổng giá trị là 29.246.500 đồng. Tại phiên Tòa hôm nay bị cáo cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin

Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Do đó cáo trạng số 09/CT – VKS – KSĐT ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐHTry tố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo không những gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân không yên tâm lao động sản xuất mà còn gây mất trật tự trị an nơi xảy ra tội phạm. Bị cáo trong lúc thực hiện hành vi phạm tội đã là người thành niên và có khả năng nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Là một thanh niên khỏe mạnh, lẽ ra bị cáo có thể tìm được một công việc phù hợp để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân nhưng bị cáo bất chấp pháp luật để trộm cắp tài sản, hưởng thụ thành quả lao động của người khác bằng cách vi phạm pháp luật. Chính vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên, xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo L được hưởng là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra, truy tố cũng như xét xử, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuy nhiên do tài sản bị cáo chiếm đoạt cũng tương đối có giá trị lớn, hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của nhân dân, mặc khác cũng cần xem xét đến nhân thân bị cáo L, bị cáo từng có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện ĐHTuyên phạt 04 tháng tù, do phạm tội dưới 18 tuổi và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích, ngoài ra bị cáo còn có 01 tiền sự bị đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần; đáng lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn, sửa đổi nhưng bị cáo lại bất chấp, coi thường pháp luật tiếp tục lao vào con đường tội phạm, lấy trộm tài sản của người khác để thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân, tại thời điểm bị bắt tạm giữ bị cáo đã dương tính với chất ma túy, từ những phân tích nêu trên cho thấy rằng những biện pháp xử lý đối với bị cáo trước đây chưa đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án tù nghiêm khắc, tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, giáo dục cho bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

[5] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Ch và chị Mã Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi tH số tiền 31.246.500 đồng, đã thu hồi giao

trả cho bị hại số tiền 5.900.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi tH cho bị hại số tiền 25.346.500 đồng.

[6] -Về vật chứng vụ án: Đối với số tiền và vàng mà bị cáo L đã lấy trộm của ông Ch và bà H hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH không thu hồi được, còn các vật dụng và nhiều giấy tờ tùy thân có liên quan trong quá trình khám nghiệm hiện trường đã giao lại cho bị hại quản lý sử dụng nên không đặt ra để xử lý.

Đối với Phan Văn T và vợ chồng Nguyễn Trọng N có hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” do trong quá trình điều tra xác minh không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được với T và vợ chồng N nên chưa có cơ sở để xử lý, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2019.

2/. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch và chị Mã Thị H số tiền 31.246.500 đồng, đã thu hồi giao trả cho anh Ch và chị H số tiền 5.900.000 đồng, buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường cho anh Ch và chị H số tiền 25.346.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Về vật chứng vụ án: Không đề cập xử lý

4/. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Án phí hình sự sơ thẩm, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 1.267.000 đồng. Hai khoản án phí nêu trên buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo và người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- CQ Điều tra huyện ĐH;
- Chi Cục THA.DS huyện ĐH;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu.

Trương Hồng Diễm

